

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
PHƯỜNG NGỌC CHÂU**



**CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH  
PHƯỜNG NGỌC CHÂU  
NĂM 2021**

*Ngọc Châu, tháng 01 năm 2021*

Số: 10A /QĐ-UBND

Ngọc Châu, ngày 19 tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**VỀ VIỆC CÔNG BỐ CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2021  
PHƯỜNG NGỌC CHÂU**

**ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG NGỌC CHÂU**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 25/12/2020 của Hội đồng nhân dân phường Ngọc Châu về việc Phê chuẩn Dự toán thu - chi ngân sách phường Ngọc Châu năm 2021;*

*Xét đề nghị của Công chức Tài chính kế toán phường Ngọc Châu,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2021 của phường Ngọc Châu.

(Chi tiết theo các biểu kèm theo Quyết định này)

- Hình thức công khai: Niêm yết công khai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả một cửa Ủy ban nhân dân phường Ngọc Châu; .

- Thời gian niêm yết công khai: 30 ngày. Từ ngày 19/01/2021 đến hết ngày 18/02/2021.

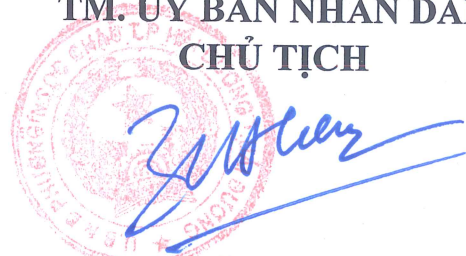
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng Ủy ban nhân dân phường, Tài chính kế toán phường tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Phòng Tài chính KH TPHD;
- TT Đảng ủy - HĐND phường;
- Chủ tịch, Phó CT UBND phường;
- Các ban ngành, đoàn thể;
- Như Điều 3;
- Lưu: VP, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Hiệu**



**CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2021**

*(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)*

Đơn vị: 1000 đồng

<b>NỘI DUNG THU</b>	<b>DỰ TOÁN</b>	<b>NỘI DUNG CHI</b>	<b>DỰ TOÁN</b>
<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>5.968.000</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>5.968.000</b>
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	205.000	I. Chi đầu tư phát triển	0
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	739.000	II. Chi thường xuyên	5.854.000
III. Thu bổ sung	5.024.000	III. Dự phòng	114.000
- Bổ sung cân đối	4.627.000		
- Bổ sung có mục tiêu	397.000		
<b>IV. Thu chuyển nguồn</b>			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2021***(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)*

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2021	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	<b>TỔNG THU</b>	<b>3.195.700</b>	<b>5.968.000</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>205.000</b>	<b>205.000</b>
	Phí, lệ phí	110.000	110.000
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
	Thu khác	95.000	95.000
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>2.990.700</b>	<b>739.000</b>
1	Các khoản thu phân chia	553.300	
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	495.700	
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	57.600	
	- Tiền thuê đất		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	2.437.400	739.000
	- Thuế thu nhập cá nhân	810.000	248.000
	- Thuế giá trị gia tăng	1.605.600	491.000
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	21.800	
<b>III</b>	<b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>		
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>		
<b>V</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>		
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>		<b>5.024.000</b>
	- Thu bổ sung cân đối		4.627.000
	- Thu bổ sung có mục tiêu		397.000

## DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2021		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	<b><u>TỔNG CHI</u></b>	<b><u>5.968.000</u></b>	<b><u>0</u></b>	<b><u>5.968.000</u></b>
	<b>Trong đó</b>	<b>5.968.000</b>	<b>0</b>	<b>5.968.000</b>
1	Chi dân quân tự vệ, an ninh trật tự	707.017		707.017
2	Chi giáo dục	44.052		44.052
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0		0
4	Chi y tế	0		0
5	Chi văn hóa, thông tin	113.168		113.168
6	Chi phát thanh, truyền thanh	63.875		63.875
7	Chi thể dục thể thao	30.000		30.000
8	Chi bảo vệ môi trường	42.358		42.358
9	Chi các hoạt động kinh tế	54.664		54.664
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.570.378		4.570.378
11	Chi cho công tác xã hội	202.488		202.488
12	Chi khác (tiết kiệm 10% chi thường xuyên)	26.000		26.000
13	Dự phòng ngân sách	114.000		114.000

**DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2021**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị QT hoặc thực hiện đến 31/12/2020	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2020	Dự toán năm 2021		
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn
						Nguyên cân đối ngân sách	Nguyên đóng góp	
<b>TỔNG SỐ</b>		0	0	0	0	0	0	0
1. Công trình chuyển tiếp		0	0	0	0	0	0	0
2. Công trình khởi công mới		0	0	0	0	0	0	0

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của tỉnh



**UBND PHƯỜNG NGOC CHAU**

Biểu số 112/CK TC-NSNN

**KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2021**

*(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)*

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	THỰC HIỆN NĂM 2020			KẾ HOẠCH NĂM 2021		
	THU	CHI	CHÉNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÉNH LỆCH (+) (-)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>730.400</b>	<b>730.400</b>	<b>0</b>	<b>216.000</b>	<b>216.000</b>	<b>0</b>
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	0	0	0	0	0	0
2. Các hoạt động sự nghiệp	730.400	730.400	0	216.000	216.000	0
+ Chợ	730.400	730.400	0	216.000	216.000	0

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi

Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi